

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HSST
Ngày 07-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A-TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Phước Tân;

Ông Trần Thành Chung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 99/2021/HSST ngày 25/11/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Dương Ngọc T (T còi), sinh năm 1991, tại A, An Giang, Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, An Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Lâm; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn V (đã chết) và bà Thạch Thị H, sinh năm: 1951; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị can là người nhỏ nhất. Vợ: Nguyễn Cao Kỳ D, sinh năm 1996. Có 01 con chung Dương Bảo N, sinh năm 2013. Nhân thân: Lúc nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 9 thì nghỉ học phụ giúp gia đình. Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 10/6/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong ngày 01/02/2021 nhưng chưa xóa án tích; tiền sự: Chưa; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện A; Bị cáo tạm giam có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hồng P (Ốc tiêu), sinh năm 1988, tại A, An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, An Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên Lâm; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng H, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1960; Anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị can là người nhỏ nhất. Nhân thân: Lúc nhỏ sống chung với gia đình, đi học đến lớp 3 thì nghỉ học phụ giúp gia đình. Ngày 14/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền án, tiền sự: Chưa; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày

08/9/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện A; bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn Q, (Báo), sinh năm 1990, tại A, An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, An Giang. Nghề nghiệp: Làm thuê, trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1957; Anh, chị, em ruột: Có 08 người, bị can là người thứ ba. Vợ: Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1998. Nhân thân: Lúc nhỏ sống chung với gia đình, không đi học ở nhà phụ giúp gia đình; tiền án: Chưa; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 15/7/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng. Ngày 21/5/2020, chấp hành xong; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện A theo bản án số: 97/2021/HSST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trường Tiểu học “C” Đ; địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh C – Là Hiệu trưởng Trường tiểu học “C” Đ; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C – Là Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học “C” Đ. Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2021; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Thạch Thị H, sinh năm 1951; Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Người làm chứng: Nguyễn Ngọc N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 02 giờ ngày 08/9/2021, Nguyễn Hồng P đạp xe chở Dương Ngọc T đi dọc tỉnh lộ 957 để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực Trường Tiểu học “C” Đ thuộc ấp P, xã Đ, huyện A nhìn thấy cổng trường khóa và không có người trông coi nên T, P leo qua hàng rào đột nhập vào trường tìm tài sản lấy trộm.

Khi vào khuôn viên trường, P dùng điện thoại bật đèn chiếu sáng để tìm tài sản, phát hiện bên trong phòng Y tế có tài sản nên T dùng 01 cây dao dài khoảng 30cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại có mũi nhọn mở khoen cửa vào lấy trộm 01 màn hình máy tính hiệu Philips, 01 CPU hiệu Asus, 01 bàn phím hiệu Dell và 02 máy in hiệu Canon. Bằng phương pháp tương tự, T và P tiếp tục lấy trộm 01 màn hình máy tính nhãn hiệu Philips, 01 CPU hiệu Asus, 01 bàn phím hiệu Dell tại phòng Truyền thống và 01 màn hình máy tính hiệu Philips, 01 CPU hiệu Asus, 01 bàn phím hiệu Dell và 02 cái loa hiệu Sound Max A130 tại Văn phòng. Sau đó, T và P chuyển tất cả tài sản trộm được ra bên ngoài hàng rào cất giấu, riêng 01 máy in hiệu Canon thì bỏ lại bên trong khuôn viên trường. Khoảng 03 giờ cùng ngày, T và P chở 01 màn hình, 01 CPU và 02 cái loa đến nhà Phạm Văn Q thuộc ấp P, xã Đ,

huyện A thỏa thuận bán với giá 600.000 đồng thì Q đồng ý mua nhưng hẹn đến chiều cùng ngày sẽ trả tiền. Sau đó T, P trở lại nơi cất giấu tài sản rồi lần lượt dùng xe đạp chở 02 màn hình, 02 CPU, 02 bàn phím về nhà T cất giấu, riêng 01 bàn phím và 01 máy in thì bỏ lại ở bên lề tỉnh lộ 957. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, anh Trần Văn C kiểm tra và phát hiện tài sản của nhà trường bị mất trộm nên đến Công an trình báo.

Ngày 08/9/2021, Dương Ngọc T đến Công an xã Đ, huyện A đầu thú, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Hồng P.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐG.TTHS ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang xác định: 03 (ba) bộ máy vi tính (màn hình Philips, CPU hiệu Asus, bàn phím hiệu Dell) trị giá: 19.620.000 đồng; 02 (hai) máy in hiệu Canon A4 2400x600dpi trị giá: 4.400.000 đồng; 02 (hai) cái loa hiệu Sound Max A130 trị giá: 240.000 đồng; Tổng giá trị tài sản: 24.300.000 đồng.

Ngày 16/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Dương Ngọc T và Nguyễn Hồng P. Ngày 22/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can Phạm Văn Q.

Tại bản Cáo trạng số: 79/CT-VKSAP ngày 25/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố Dương Ngọc T và Nguyễn Hồng P cùng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Phạm Văn Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T, P khai nhận: Tối 07/9/2021, P đạp xe đến nhà T chơi rồi cả hai bàn nhau đi tìm tài sản lấy trộm. Việc bỏ lại bên trong khuôn viên trường 01 máy in hiệu Canon là do sợ bị người khác phát hiện nên không đem ra được. Đối với 01 bàn phím và 01 máy in thì bỏ lại ở bên lề tỉnh lộ 957 là do vận chuyển đem về nhà không kịp khi trời đã sáng nên sợ bị phát hiện. Việc đem 01 màn hình hiệu Philips, 01 CPU hiệu Asus và 02 cái loa hiệu Sound Max đến bán cho Q thì các bị cáo không có hứa hẹn trước.

Các bị cáo đồng ý bồi thường cho Trường Tiểu học “C” Đ số tiền 500.000 đồng. Riêng bàn phím hiệu Dell, không yêu cầu bồi thường nên các bị cáo không có ý kiến.

Bị cáo Phạm Văn Q khai nhận: Rạng sáng 08/9/2021, bị cáo đang ngủ tại nhà thì các bị cáo T và P đến tìm để thỏa thuận bán 01 màn hình, 01 CPU và 02 cái loa. Bị cáo biết rõ các tài sản mà các bị cáo T, P đem đến bán là do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua để gia đình sử dụng. Sau khi nhận các tài sản trên thì bị cáo đem cất giấu ở bàn gỗ dưới sàn nhà bỏ hoang bên cạnh nhà để tránh người khác phát hiện. Ngoài tội danh bị truy tố, ngày 17/12/2021 bị cáo đã bị TAND huyện A xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị hại trình bày: Trường Tiểu học “C” Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm gồm 03 màn hình Philips, 03 CPU hiệu Asus, 02 bàn phím hiệu Dell, 02 máy in hiệu Canon và 02 cái loa hiệu Sound Max. Trong đó, 01 máy in hiệu Canon bị hư không sử dụng được, ông yêu cầu các bị cáo T và P bồi thường 500.000 đồng tiền sửa máy in. Riêng, 01 bàn phím hiệu Dell giá trị không lớn nên không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Dương Ngọc T và Nguyễn Hồng P về tội

“Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Văn Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Ngọc T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tại giai đoạn điều tra - Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả lại tài sản cho bị hại là đúng quy định pháp luật nên đề nghị không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo T và P phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Trường tiểu học “C” Đ số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo T, P, Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, tự bào chữa cho hành vi của mình.

Đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy, những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Về tội danh và hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo T, P, Q tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; có đầy đủ

căn cứ xác định: Ngày 08/9/2021, các bị cáo T, P đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản gồm: 03 (ba) bộ máy vi tính (màn hình Philips, CPU hiệu Asus, bàn phím hiệu Dell) trị giá: 19.620.000 đồng; 02 (hai) máy in hiệu Canon A4 2400x600dpi trị giá: 4.400.000 đồng; 02 (hai) cái loa hiệu Sound Max A130 trị giá: 240.000 đồng. Tổng giá trị tài sản: 24.300.000 đồng. Các bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài vụ lợi cá nhân mà bị cáo T và P đã lợi dụng đêm tối, không có người quản lý, lén lút đột nhập để trộm cắp tài sản của Trường tiểu học “C” Đ. Cùng ngày, bị cáo Q đã có hành vi tiêu thụ tài sản gồm: 01 màn hình Philips, 01 CPU hiệu Asus và 02 cái loa hiệu Sound Max A130, việc thỏa thuận mua bán giữa các bị cáo là không hứa hẹn trước nhưng bị cáo Q biết rõ tài sản này là do các bị cáo T, P phạm tội mà có. Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo T, P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đối với các bị cáo T, P, Q theo Cáo trạng số: 79/CT-VKSAP ngày 25/11/2021 là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân trong việc quản lý tài sản. Do đó, cần phải một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho xã hội và nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, được chấp nhận.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo thấy rằng: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ với nhau, bản thân các bị cáo T, P là những người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo T: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 10/6/2020 bị cáo T bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tuy đã chấp hành xong hình phạt ngày 01/02/2021 nhưng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên lần phạm tội này đối với bị cáo là trường hợp tái phạm thuộc điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với các bị cáo P, Q: Tuy không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự nhưng các bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 14/4/2015 bị cáo P bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” và đã chấp hành xong. Riêng bị cáo Q, ngày 17/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và ngày 15/7/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 15 tháng, chấp hành xong ngày 21/5/2020. Đối với hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng, sau khi chấp hành xong hình phạt, các bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa chữa sai lầm,

sống có ích cho gia đình và xã hội nhưng các bị cáo không biết sửa đổi, tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cho thấy các bản án trước đây không đủ răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội; về ý thức các bị cáo xem thường pháp luật, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, không có ý thức cải tạo để sửa đổi bản thân nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để đủ tính chất giáo dục đối với các bị cáo đối với lần phạm tội này.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T, P, Q luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật còn hạn chế. Riêng bị cáo T đã chủ động đầu thú thừa nhận hành vi phạm tội nên các bị cáo T, P được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Q mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A xử lý xong bằng hình thức giao trả lại tài sản cho bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông C đại diện cho bị hại yêu cầu các bị cáo T, P bồi thường 500.000 đồng và các bị cáo đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại. Xét thấy sự thỏa thuận giữa các bị cáo và đại diện bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đối với 01 bàn phím hiệu Dell do phía bị hại không có yêu cầu bồi thường nên hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Dương Ngọc T (T còi) và Nguyễn Hồng P (Ốc tiêu) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q (Báo) phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Dương Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/09/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/09/2021.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo T, P phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Trường tiểu học “C” Đ số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Buộc các bị cáo Dương Ngọc T, Nguyễn Hồng P, Phạm Văn Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo T, P cùng phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/01/2022), các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sang